

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05/8/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 130/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1978; địa chỉ: phường TT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Khúc Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ a, ấp C, xã A B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà N và ông Khúc Văn T chung sống với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 12/7/2002, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu thì có hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông T không tu chí làm ăn, chỉ thích cờ bạc, rượu chè, không quan tâm, vun vén cho gia đình, không quan tâm vợ con, ông bà đã sống ly thân với nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên bà N xin được ly hôn với ông Khúc Văn T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống N và ông Khúc Văn T có 03 con chung là Khúc Văn L, sinh năm 1996, Khúc Thành T, sinh năm 2001 và Khúc Thành C, sinh ngày 28/11/2012. Các con chung Khúc Văn L và Khúc Thành T đã trưởng

thành, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn bà N xin được nuôi con chung tên Khúc Thành C, không yêu cầu ông Khúc Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về T sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2022, bị đơn ông Khúc Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn ông T thống nhất với lời trình bày của bà N. Giữa vợ chồng ông có mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay, cả hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà N xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 03 con chung tên Khúc Văn L, sinh năm 1996, Khúc Thành T, sinh năm 2001 và Khúc Thành C, sinh ngày 28/11/2012. Con chung Khúc Văn L, sinh năm 1996, Khúc Thành T, sinh năm 2001 đã trưởng thành, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Khúc Thành C đang sống cùng với bà N, ông T nhường quyền nuôi con chung cho bà N và ông T xin không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay, bà N xin ly hôn ông T đồng ý ly hôn nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị N đối với ông Khúc Văn T; về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung Khúc Thành C, sinh ngày 28/11/2012 cho bà N nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung, ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về thủ tục tố tụng, về nội dung vụ án HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn mà bị đơn cư trú tại ấp Cà Na, xã A B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn bà Phạm Thị N và bị đơn ông Khúc Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị N và ông Khúc Văn T là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 12/7/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông T không tu chí làm ăn, chỉ thích cờ bạc rượu chè, không quan tâm, vun vén cho gia đình, không quan tâm vợ con. Ông bà đã sống ly thân với nhau. Ông T thừa nhận vợ chồng ông có mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay, cả hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông đồng ý ly hôn với bà N.

[4] HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn bà Phạm Thị N và bị đơn ông Khúc Văn T đã trầm trọng, không thể hàn gắn được bà N xin ly hôn, ông T đồng ý ly hôn. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, bản sao sổ hộ khẩu xác định nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung là Khúc Văn L, sinh năm 1996, Khúc Thành T, sinh năm 2001 và Khúc Thành C, sinh ngày 28/11/2012. Con chung Khúc Văn L, Khúc Thành T đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, con chung Khúc Thành C đã trên 07 tuổi nên nguyên đơn, bị đơn tôn trọng theo nguyện vọng của con. Tại Bản tự khai cháu C có nguyện vọng sống cùng bà N, bà N đồng ý nuôi con, nên HĐXX giao con chung Khúc Thành C, sinh ngày 28/11/2012 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX xem xét chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N đối với bị đơn ông Khúc Văn T về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Khúc Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là chung Khúc Thành C, sinh ngày 28/11/2012 cho bà Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của ông Khúc Văn T. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2021/0008181 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Khoa